

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/12/2020

*“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.

2. Ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2020/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 56/2020/QĐXX-ST, ngày 19/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị A, Sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Quê quán: thôn B, xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

HKTT, trú tại: thôn D xã E huyện K tỉnh Hưng Yên

2. Bị đơn: anh Vũ Huy, sinh năm 1978 (vắng mặt).

HKTT, trú tại: thôn D xã E huyện K tỉnh Hưng Yên

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Cháu Vũ Thị G, sinh ngày 14/5/2005.

2.3 Cháu Vũ Huy H, sinh ngày 13/4/2007.

4. Người giám hộ cho cháu G và cháu H: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Huy F (bố, mẹ các cháu).

5. Người làm chứng: Ông Vũ Huy, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Trú tại: thôn D xã E huyện K tỉnh Hưng Yên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Huy F, sinh năm 1978, sinh trú quán tại thôn D xã E huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được UBND xã Ông Đình, huyện K, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2000.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu và về chung sống cùng anh F tại thôn D xã E. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được ít ngày thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, mặt khác anh F thường xuyên chơi bời, không chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn đã xảy ra trong nhiều năm nhưng vì các con nên chị phải nhẫn nhịn, nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng, tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh F.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Vũ Thị G, sinh ngày 14/5/2005 và cháu Vũ Huy H, sinh ngày 13/4/2007. Nếu ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh F cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị làm nghề phiên dịch tiếng Trung, thu nhập trung bình khoảng 15 triệu đồng/tháng, chị có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ăn ở để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức đóng góp chung với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Chị không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết.

Do điều kiện công việc nên chị có đơn xin được vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2020, bị đơn anh Vũ Huy F trình bày:

Quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng như chị A trình bày. Sau khi kết hôn, chị A chuyển khẩu và về chung sống cùng anh tại thôn D xã E huyện K. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh mãi chơi bời, anh động viên chị A bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị A không đồng ý. Nay chị A xin ly hôn, anh không nhất trí mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Vũ Thị G, sinh ngày 14/5/2005 và cháu Vũ Huy H, sinh ngày 13/4/2007. Nếu ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Do điều kiện công việc nên anh đề nghị và có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là cháu Vũ Thị G và cháu Vũ Huy H trình bày:

Các cháu là con của anh Vũ Huy F và chị Nguyễn Thị A, hiện đều trú tại thôn D xã E, cháu G đang học tại Trường THPT K còn cháu H đang học tại Trường THCS C.

Quá trình chung sống các cháu có chứng kiến việc bố mẹ cháu xảy ra mâu thuẫn, theo cháu Linh nguyên nhân là do anh F mãi chơi bời, gia đình động viên nhưng anh F không thay đổi.

Nay mẹ các cháu xin được ly hôn với bố các cháu, mặc dù không mong muốn nhưng xét thấy cuộc sống không hạnh phúc thì tùy bố mẹ các cháu quyết định. Nếu bố, mẹ các cháu ly hôn, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng với chị A.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2020, người làm chứng, ông Vũ Huy I trình bày: Ông là bố đẻ của anh Vũ Huy F. Năm 2000, gia đình ông tổ chức xây dựng gia đình cho anh F kết hôn cùng chị A trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ông Đình, huyện K.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị A chung sống cùng anh F tại thôn D xã E. Quá trình chung sống, vợ chồng anh F phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2020, nguyên nhân là do anh F mãi chơi bời, không chăm lo cuộc sống gia đình, ông có động viên nhưng anh F không thay đổi. Nay chị A xin ly hôn với anh F, ông đề nghị Tòa án động viên để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: vợ chồng anh F có 02 con chung là cháu Vũ Thị G, sinh ngày 14/5/2005 và cháu Vũ Huy H, sinh ngày 13/4/2007, hiện cả hai cháu đang ở với vợ chồng anh F.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng anh F, ông không nắm được. Quá trình chung sống vợ chồng anh F không có đóng góp gì với gia đình ông.

Quá xác minh ngày 09/11/2020 được UBND xã E cung cấp: Anh Vũ Huy F, sinh năm 1978, trú tại thôn D xã E và chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1982, trú tại xã, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 12/02/2000 (quyển số 01, số thứ tự 11). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh F chung sống với nhau tại thôn D xã Ông Đình. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận nhưng từ đầu năm 2020 trở lại đây, vợ chồng anh F xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc.

Về con chung: vợ chồng anh F, chị A có 02 con chung là cháu Vũ Thị G, sinh ngày 14/5/2005 và cháu Vũ Huy H, sinh ngày 13/4/2007.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03 của vợ chồng anh F UBND xã không nắm rõ.

Theo giấy chứng nhận kết hôn của anh F, chị A và giấy khai sinh của cháu Linh ghi anh F sinh năm 1977 nhưng Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu ghi anh F sinh năm 1978. Việc các giấy tờ nêu trên ghi không thống nhất là do sai sót khi anh F kê khai, mặc dù sai lệch năm sinh nhưng chính quyền địa phương khẳng định chỉ là một người.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Vũ Thị G, sinh ngày 14/5/2005 cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Vũ Huy H, sinh ngày 13/4/2007 cho anh F tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn anh F, chị A được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh F, chị A đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 26/8/2020, chị Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện anh Vũ Huy F, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Vũ Huy F có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn D xã E huyện K tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Huy F kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã được UBND xã Ông Đình huyện K, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2000 (Số thứ tự 11, quyển số 01). Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết chị A cương quyết xin ly hôn, anh F xin được đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng anh F không đến, không tham gia hòa giải. Xét cuộc sống, hạnh phúc gia đình anh, chị đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị A được ly hôn với anh F để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung:* Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Vũ Thị G, sinh ngày 14/5/2005 và cháu Vũ Huy H, sinh ngày 13/4/2007. Quá trình giải quyết chị A, anh F đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu, các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng chị A. Nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung của chị A, anh F cũng như nguyện vọng của cả hai cháu xin được ở với chị A là hoàn toàn chính đáng, nhưng xét điều kiện của cả hai anh chị đều có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy, nên để cả anh và chị đều được trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung, mặt khác, do các cháu đều còn nhỏ, cần chăm sóc trong thời gian dài, nếu giao cả hai cháu cho một người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ gây khó khăn và ảnh hưởng đến quá trình học tập, sự phát

triển của các cháu. Để đảm bảo quyền lợi cũng như việc thực hiện chăm sóc các cháu, cháu G trưởng thành là con gái cần sự chăm sóc, bảo ban của người mẹ nên cần giao cháu Vũ Thị G cho chị A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Huy H cho anh F trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp thực tế, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do cả hai anh chị không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị A, anh F có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Cả hai vợ chồng đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Vũ Huy F.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Vũ Thị G, sinh ngày 14/5/2005 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Vũ Huy H, sinh ngày 13/4/2007 cho anh Vũ Huy F trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Huy F có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0002353 ngày 31/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị A đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã An Mỹ, Ông Đình;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trĩnh